TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2019.
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Bà **Nguyễn Thị Thủy**.

2. Bà **Bùi Thanh Bình**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thanh Tâm**.

Vào ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **96/**2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, về việc *"Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **31/**2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số **30**/2019/QĐ-HPTST ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị T**, sinh năm 1983.

ĐKTT: Ấp V, xã SC, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Thợ uốn tóc.

Dân tộc: Kinh.

- Bị đơn: Anh **Trần Hữu S**, sinh năm 1980.

ĐKTT: Xóm 13, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở: Ấp V, xã SC, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Nhân viên bán bảo hiểm.

Dân tộc: Kinh.

(Chị T và anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-02-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Hữu S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 13-12-2018 tại

Ủy ban nhân dân xã SC, huyện X, tỉnh Đồng Nai, hẹn đến đầu năm 2019 mới tổ chức lễ cưới. Trong thời gian từ khi đăng ký kết hôn đến nay, do mâu thuẫn về tính cách, quan điểm nên vợ chồng không sống chung với nhau và không tiến hành lễ cưới. Nhận thấy không thể duy trì cuộc sống chung của vợ chồng nên chị yêu cầu ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hữu S vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị T, chị T được ly hôn với anh Trần Hữu S; Con chung không có; về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Đỗ Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên áp dụng Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T. Anh Trần Hữu S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên áp dụng Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Giấy chứng nhận kết hôn số 134/2018, ngày 13-12-2018, của Ủy ban nhân dân xã SC, huyện X, tỉnh Đồng Nai, cấp cho chị T – anh S đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị Đỗ Thị T và anh Trần Hữu S là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

Chị T cho rằng vợ chồng không thể sống chung là do mâu thuẫn về tính cách, quan điểm sống. Chị T và anh S hai bên gia đình chưa tổ chức lễ cưới. Quá trình Tòa án làm việc đã triệu tập anh S nhiều lần để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng, nhưng anh S không có mặt. Chứng tỏ, anh S không mong muốn vợ chồng cùng khắc phục mâu thuẫn để duy trì cuộc sống chung. Qua xác nhận của trưởng ấp V, xã SC cho thấy anh S và chị T có mâu thuẫn nên không sống chung với nhau, anh S đi làm ít về nhà. Như vậy, hôn nhân của chị T và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị T và anh S không có con chung nên không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] *Về nợ chung:* Chị T trình bày không có nên không xét.

[7] *Về án phí:* Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1, Khoản 2, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Trần Hữu S.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ: Không giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Đỗ Thị T nộp **300.000** *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí sơ thẩm về ly hôn. **300.000** *(Ba trăm nghìn)* tiền tạm ứng án phí chị T nộp theo Biên lai thu tiền số: **007114** ngày **12-02-2019**, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T và anh Trần Hữu S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận hoặc niêm yết toàn sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A dân sự H.Xuân Lộc;
- UBND xã SC;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Anh Dũng